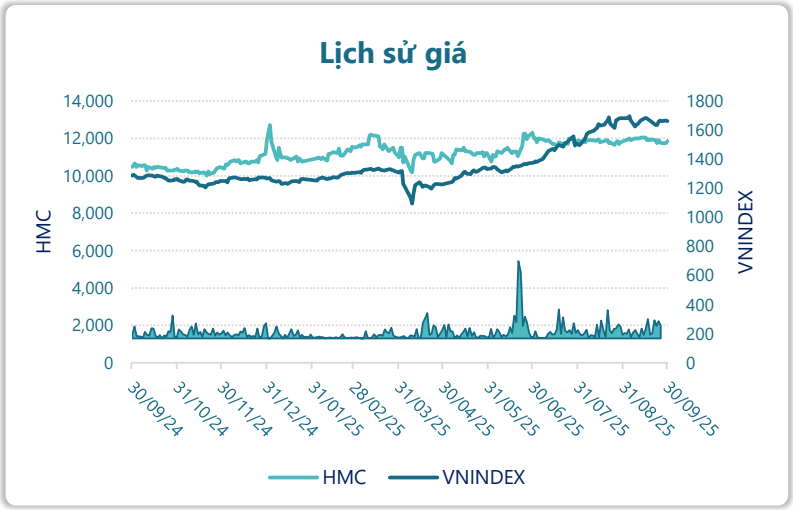
FireAnt

CTCP Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL (HSX: HMC)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**11,850**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	12,715
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	10,004
SL cổ phiếu LH	27,299,999
KLGD BQ 20 phiên (CP)	17,210
% sở hữu nước ngoài	0.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	324
P/E	9.5
EPS	1,250

DT thuần

Q3/25

1,403

tỷ VNĐ

QoQ: ▼19.0| -1.4%

YoY: ▲ 328| 30.5%

LN sau thuế

Q3/25

6.89

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.15| -23.7%

YoY: ▲ 0.68| 11.0%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

1.2%

DT thuần

9T 2025

4,019

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,041| 35.0%

LN sau thuế

9T 2025

23.9

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 8.50| 55.2%

ROE

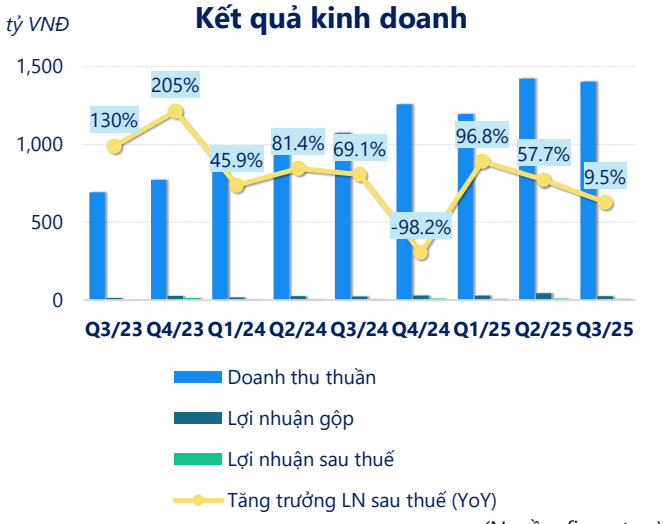
Q3/25

8.6%

+/- YoY: ▲ 1.1%

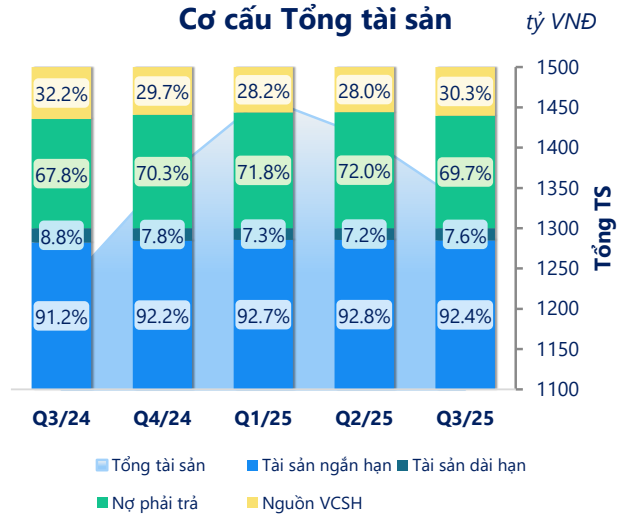
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



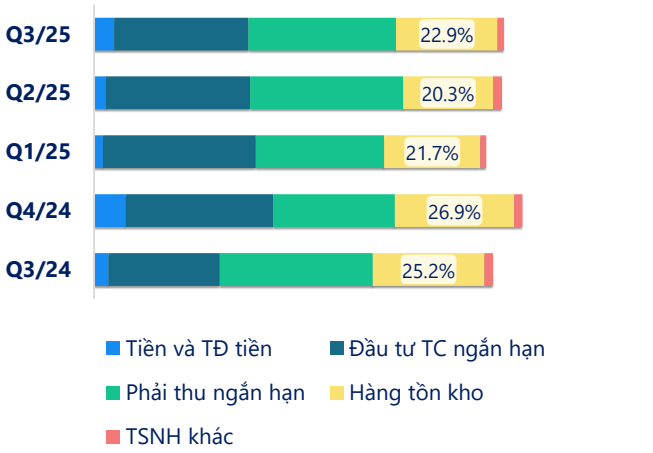
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



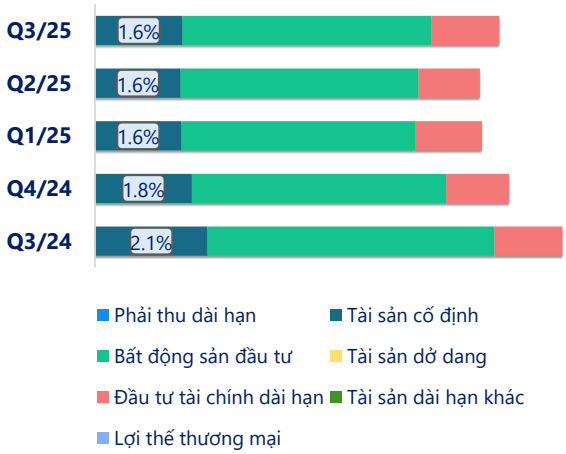
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



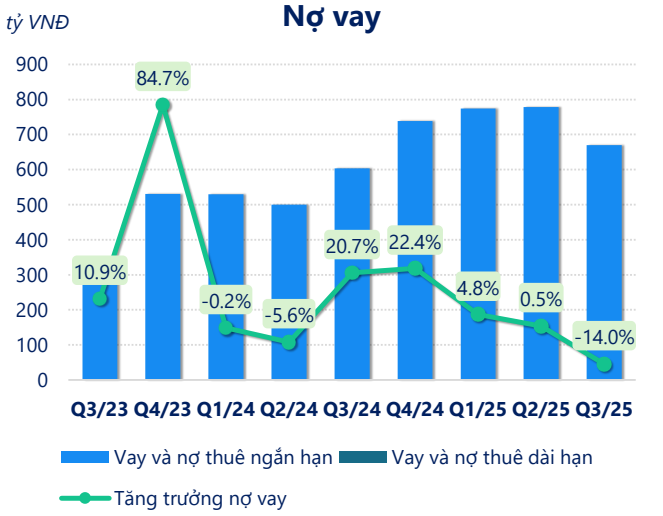
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



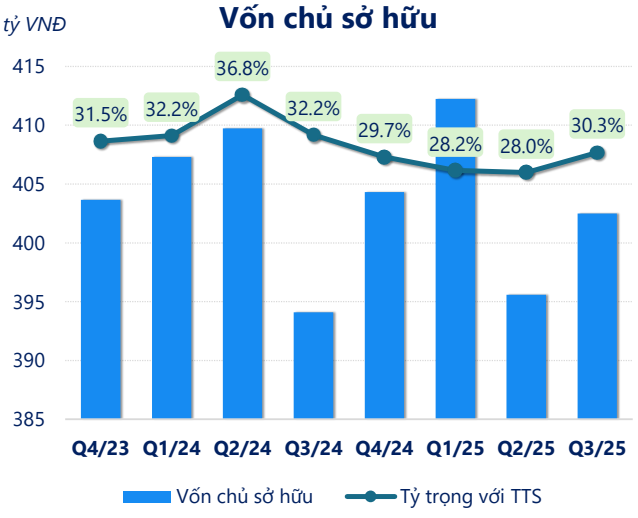
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



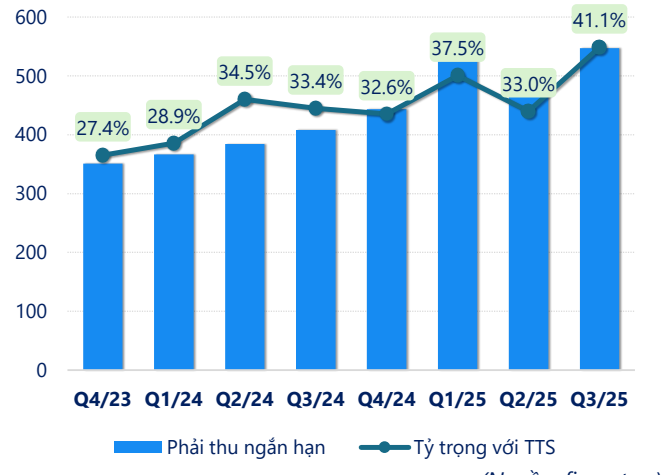
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



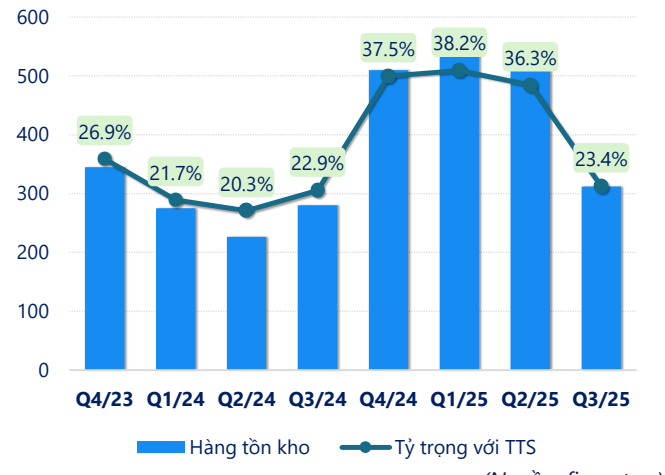
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



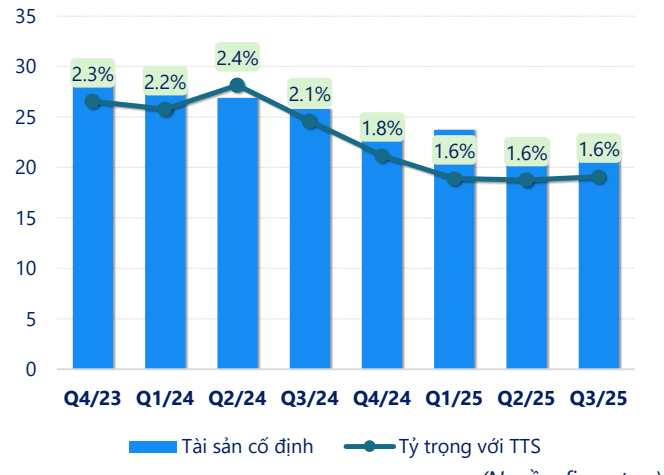
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



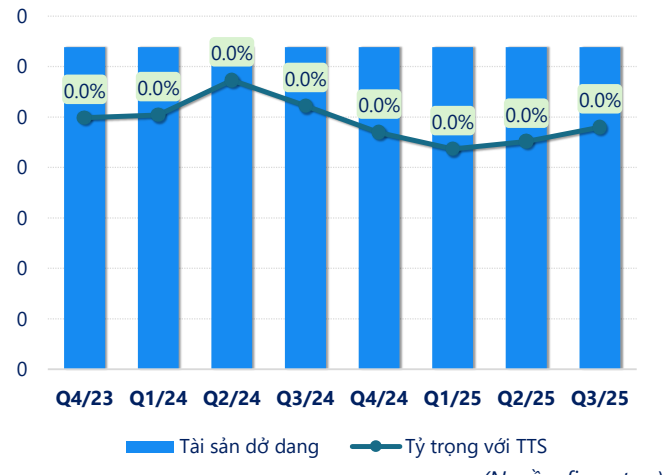
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



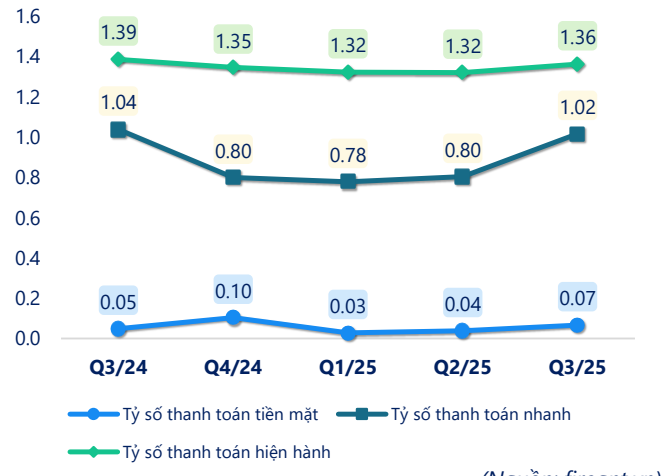
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



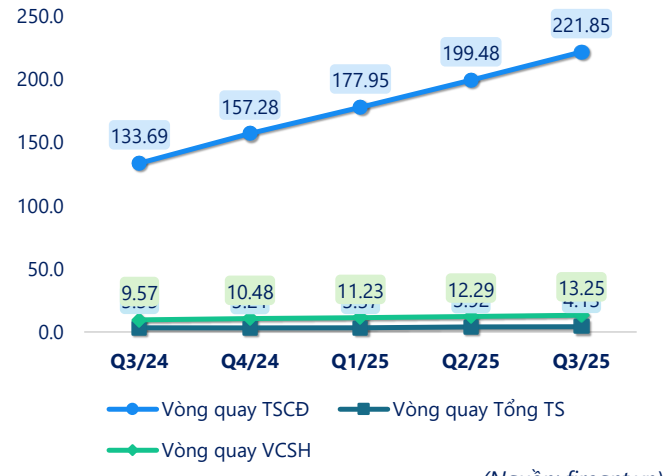
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**1,222**	**1,360**	**1,462**	**1,414**	**1,330**
Tài sản ngắn hạn	**1,115**	**1,254**	**1,355**	**1,312**	**1,229**
Tiền và tương đương tiền	39.5	96.6	28.8	37.5	60.3
Đầu tư tài chính ngắn hạn	370	173	187	259	302
Phải thu ngắn hạn	408	444	549	467	547
Hàng tồn kho	280	510	558	514	312
Tài sản ngắn hạn khác	17.7	31.5	32.8	34.8	7.65
Tài sản dài hạn	**107**	**106**	**106**	**102**	**101**
Phải thu dài hạn	0.06	0.06	0.06	0.06	0.06
Tài sản cố định	25.8	24.7	23.7	22.7	21.8
Bất động sản đầu tư	66.0	65.1	64.2	63.3	62.4
Tài sản dở dang	0.01	0.01	0.01	0.01	0.01
Đầu tư tài chính dài hạn	15.6	16.0	18.4	16.3	16.9
Tài sản dài hạn khác	0	0	0	0	0
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**828**	**955**	**1,049**	**1,018**	**928**
Nợ ngắn hạn	**804**	**931**	**1,024**	**993**	**902**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	603	739	774	778	670
Phải trả người bán ngắn hạn	158	169	214	133	157
Nợ dài hạn	24.2	24.2	25.2	25.7	26.0
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**394**	**404**	**412**	**396**	**402**
Vốn chủ sở hữu	**394**	**404**	**412**	**396**	**402**
Vốn điều lệ	273	273	273	273	273
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)